



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1404 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2025;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 535/TTr-CP ngày 12/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho trở lại quốc tịch Việt Nam đối với 17 cá nhân hiện đang cư trú tại Cộng hòa Séc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
- Bộ Ngoại giao;
- VP Tổng Bí thư;
- VPCTN: CN, PCN Cần Đình Tài,
- Website VPCTN;
- Lưu: VT, Vụ PL.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Tô Lâm



**DANH SÁCH NHỮNG TRƯỜNG HỢP CƯ TRÚ TẠI CỘNG HOÀ SÉC
ĐƯỢC CHO TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

**(Kèm theo Quyết định số 1404 /QĐ-CTN ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch nước)**

1. **Nguyen Son**, sinh ngày 27/4/1969 tại Hà Nội Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh ngày 14/3/1994
Hộ chiếu Séc số: 50138298 cấp ngày 23/9/2025
Nơi cư trú: Kunraticka 175, Jesenice, Zdimerice, 25242, Cộng hoà Séc
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN ĐĂNG SƠN
2. **Hoang An**, sinh ngày 02/12/1992 tại Lâm Đồng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Giấy khai sinh số 94 ngày 05/5/1993
Hộ chiếu Séc số: 48259952 cấp ngày 14/6/2023
Nơi cư trú: Na Radosti 80/60 Zličín Praha 5, 15521, Cộng hoà Séc
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Lấy tên gọi Việt Nam là: HOÀNG AN
3. **Nguyen Minh Anh**, sinh ngày 08/3/2005 tại Cộng hoà Séc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc, Giấy khai sinh số 125 ngày 23/3/2005
Hộ chiếu Séc số: 47165608 cấp ngày 05/5/2022
Nơi cư trú: Malostranská 224/19, 32600 Plzen, Cộng hoà Séc
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN TRUNG MINH ANH
4. **Nguyen Ngoc Minh**, sinh ngày 10/11/1997 tại Cộng hoà Séc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc, Giấy khai sinh số 540 ngày 10/12/1997
Hộ chiếu Séc số: 50157066 cấp ngày 06/10/2025
Nơi cư trú: Malostranská 224/19, 32600 Plzen, Cộng hoà Séc
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN THỊ NGỌC MINH
5. **Nguyen Son**, sinh ngày 05/01/1970 tại Phú Thọ Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, tỉnh Phú Thọ, Giấy khai sinh ngày 17/02/1970
Hộ chiếu Séc số: 46767007 cấp ngày 12/01/2022



Nơi cư trú: Dukelských Bojovníků 3289/136, 671 81 Znojmo, Cộng
hoà Séc

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Phú Mỹ, tỉnh Phú Thọ
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN HÙNG SƠN

6. **Chu Minh Khánh**, sinh ngày 03/9/1969 tại Phú Thọ Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ,
Giấy khai sinh số 29 ngày 15/9/1969
Hộ chiếu Séc số: 46781406 cấp ngày 20/01/2022
Nơi cư trú: Nad Akáty 1597/11, Kunratice Praha 4, 14800, Cộng hoà Séc
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ
Lấy tên gọi Việt Nam là: CHU MINH KHÁNH
7. **Nguyenová Hong Thanh**, sinh ngày 25/4/1969 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Ngô Quyền, thành
phố Hải Phòng, Giấy khai sinh ngày 28/4/1969
Hộ chiếu Séc số: 46824592 cấp ngày 11/02/2022
Nơi cư trú: Nad Akáty 1597/11, Kunratice Praha 4, 14800, Cộng hoà Séc
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Gia Viên, thành
phố Hải Phòng
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN THỊ HỒNG THANH
8. **Chu Minh**, sinh ngày 12/6/1993 tại Cộng hoà Séc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc, Giấy
khai sinh số 73 ngày 24/10/1994
Hộ chiếu Séc số: 46664334 cấp ngày 21/9/2021
Nơi cư trú: Nad Akáty 1597/11, Kunratice Praha 4, 14800, Cộng hoà Séc
Lấy tên gọi Việt Nam là: CHU MINH
9. **Chu Minh Anh**, sinh ngày 07/10/1998 tại Cộng hoà Séc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc, Giấy
khai sinh số 627 ngày 11/12/1998
Hộ chiếu Séc số: 50240979 cấp ngày 11/12/2025
Nơi cư trú: Nad Akáty 1597/11, Kunratice Praha 4, 14800, Cộng hoà Séc
Lấy tên gọi Việt Nam là: CHU MINH ANH
10. **Nguyenová Hai Lyly**, sinh ngày 13/5/1993 tại Cộng hòa Séc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc, Giấy
khai sinh số 19 ngày 24/01/1994
Hộ chiếu Séc số: 46666803 cấp ngày 22/9/2021
Nơi cư trú: Hajní 1365, 198 00 Praha 14, Kyje, Cộng hòa Séc
Lấy tên gọi Việt Nam: NGUYỄN HẢI LYLÝ

2



11. **Nguyenova Hong Ly**, sinh ngày 13/6/1997 tại Cộng hòa Séc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc, Giấy
khai sinh số 414 ngày 14/9/1998
Hộ chiếu Séc số: 49476191 cấp ngày 12/12/2024
Nơi cư trú: Hajní 1365, 198 00 Praha 14, Kyje, Cộng hòa Séc
Lấy tên gọi Việt Nam: NGUYỄN HẢI HỒNG LY
Giới tính: Nữ
12. **Pham Dinh Tuan**, sinh ngày 10/8/1963 tại Bắc Ninh
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Thái Bảo, tỉnh Bắc Ninh,
Giấy khai sinh ngày 15/8/1963
Hộ chiếu Séc số: 46955717 cấp ngày 21/3/2022
Nơi cư trú: Souběžná II 1051/10a, 15800 Praha 5, Cộng hoà Séc
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Nhân Thắng, tỉnh Bắc Ninh
Lấy tên gọi Việt Nam: PHẠM ĐÌNH TUẤN
Giới tính: Nam
13. **Vo Hai**, sinh ngày 02/3/1969 tại Nghệ An
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Thái Hoà, tỉnh Nghệ
An, Giấy khai sinh số 15 ngày 04/3/1969
Hộ chiếu Séc số: 44695709 cấp ngày 25/01/2018
Nơi cư trú: Souběžná II 1051/10a, 15800 Praha 5, Cộng hoà Séc
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Thái Hoà, tỉnh
Nghệ An
Lấy tên gọi Việt Nam: VÕ THỊ HẢI
Giới tính: Nữ
14. **Velčevová Thanh Tu**, sinh ngày 15/7/1992 tại Cộng hòa Séc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc, Giấy
khai sinh số 97 ngày 16/02/1998
Hộ chiếu Séc số: 46274314 cấp ngày 13/10/2020
Nơi cư trú: Běhounkova 2307/13, 15800 Praha 5, Cộng hoà Séc
Lấy tên gọi Việt Nam: PHẠM THỊ THANH TÚ
Giới tính: Nữ
15. **Pham Minh Tien**, sinh ngày 28/6/1995 tại Cộng hòa Séc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc, Giấy
khai sinh số 217 ngày 08/7/1996
Hộ chiếu Séc số: 46912789 cấp ngày 11/3/2022
Nơi cư trú: Souběžná II 1051/10a, 15800 Praha 5, Cộng hoà Séc
Lấy tên gọi Việt Nam: PHẠM MINH TIẾN
Giới tính: Nam
16. **Pham Gia Khiem**, sinh ngày 03/11/2003 tại Cộng hòa Séc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà Séc, Giấy
khai sinh số 518 ngày 05/12/2003
Hộ chiếu Séc số: 45969405 cấp ngày 31/10/2019
Giới tính: Nam



Nơi cư trú: Souběžná II 1051/10a, 15800 Praha 5, Cộng hoà Séc
Lấy tên gọi Việt Nam: PHẠM GIA KHIÊM

17. **Nguyen Thanh Tung**, sinh ngày 04/8/1993 tại Bắc Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc
Ninh, Giấy khai sinh số 412 ngày 25/11/1993
Hộ chiếu Séc số: 49398628 cấp ngày 14/10/2024
Nơi cư trú: Potoční 24, Hostivice 25301 Praha - Západ, Cộng hoà Séc
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Kinh Bắc, tỉnh
Bắc Ninh
Lấy tên gọi Việt Nam: NGUYỄN THANH TÙNG

----------